CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Viễn thông VTC

Ngày 30/09/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.4%	**8.4%**	**3.4%**

DT thuần
Q3/25
49.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼40.0| -44.8%
YoY: ▼18.1| -26.8%

LN thuần
Q3/25
-2.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.62| 17.5%
YoY: ▼0.56| -24.2%

LN sau thuế
Q3/25
-2.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.38| -14.6%
YoY: ▼1.50| -102%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-1.7%
YoY: +/-▼ 2.4%

ROE (TTM)
Q3/25
8.6%
YoY: +/-▼ 1.9%

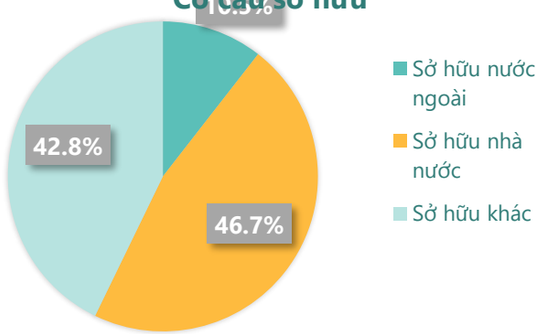
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,000 - 9,371
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	41
Số lượng CPLH (CP)	4,529,143
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,175
Sở hữu nước ngoài	10.5%
Beta	0.76
EPS	1,167
P/E	7.7

DT thuần
9T 2025
161
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0| 7.9%

LN thuần
9T 2025
-15.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.60| -3.9%

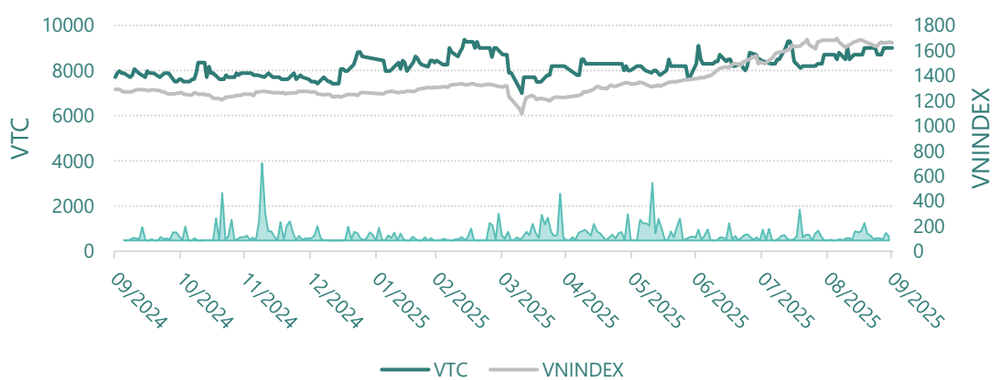
LN sau thuế
9T 2025
-14.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.10| 7.3%

Cơ cấu sở hữu

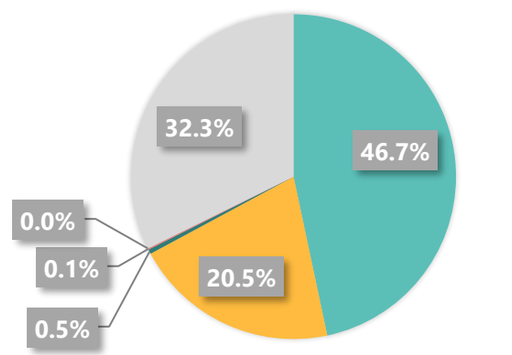


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

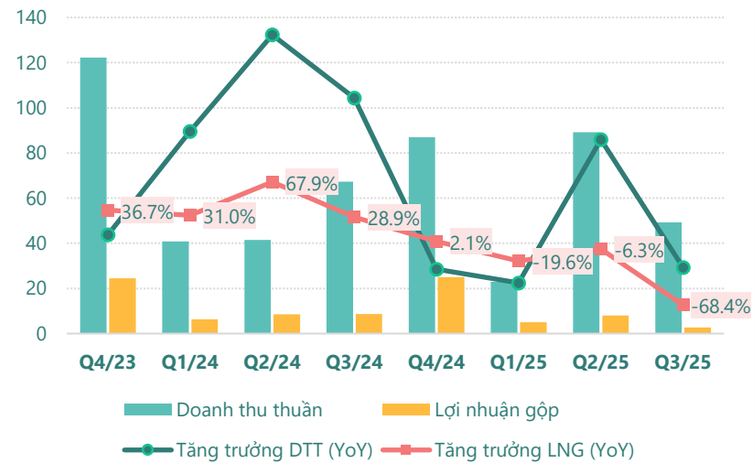


- Tập Đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
- Lê Xuân Tiến (Chủ tịch HĐQT)
- Võ Hùng Tiến
- CTCP Viễn thông VTC
- Hoàng Đức Hùng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

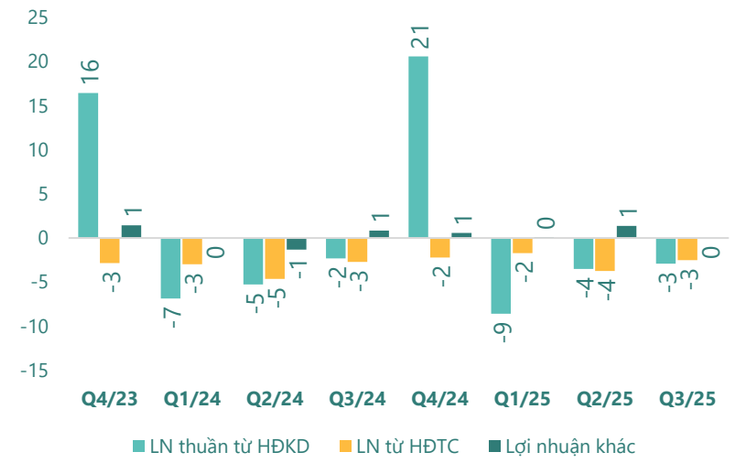
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



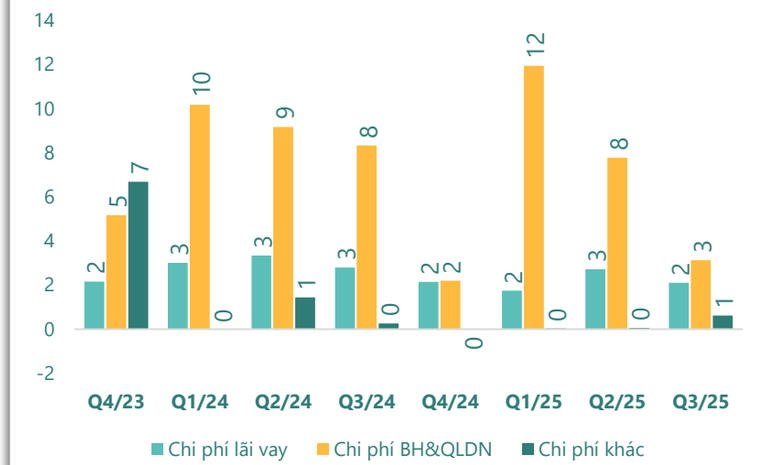
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



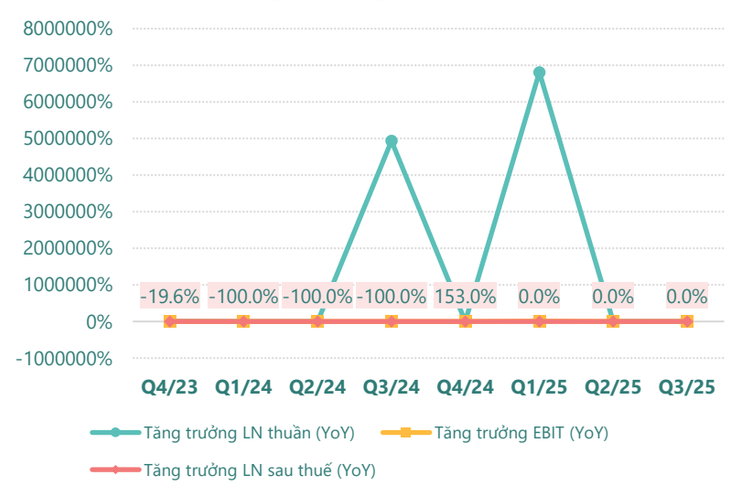
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



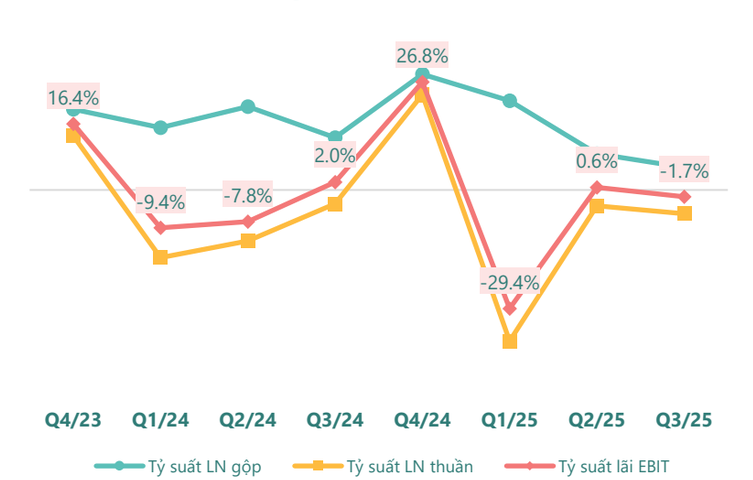
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



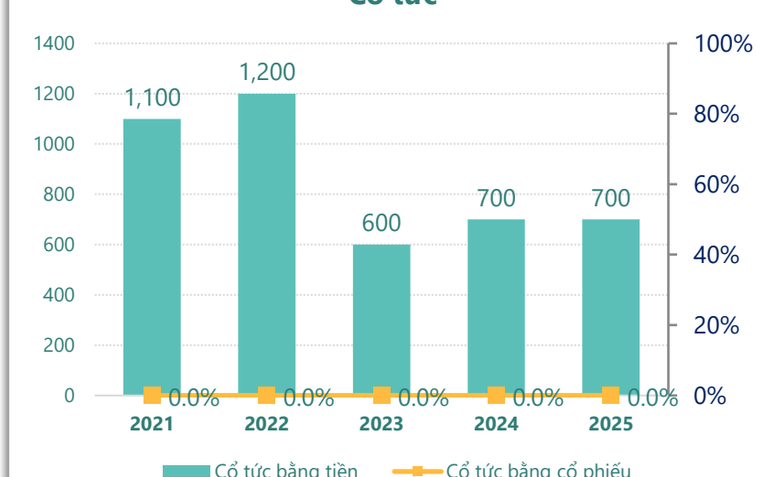
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

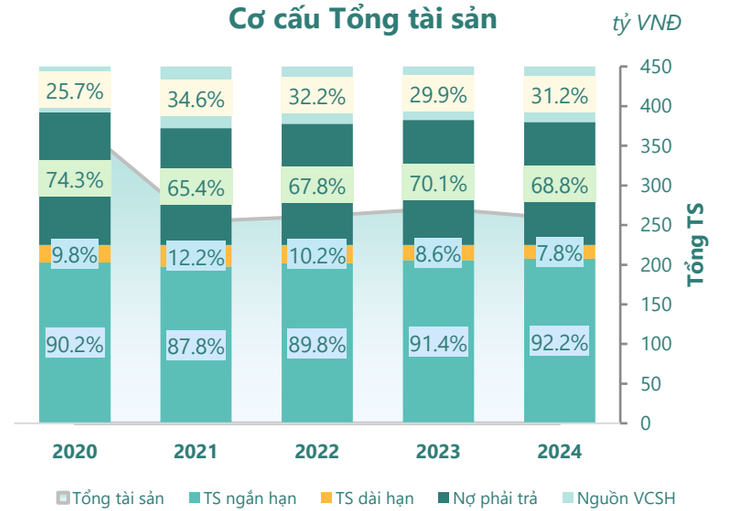
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

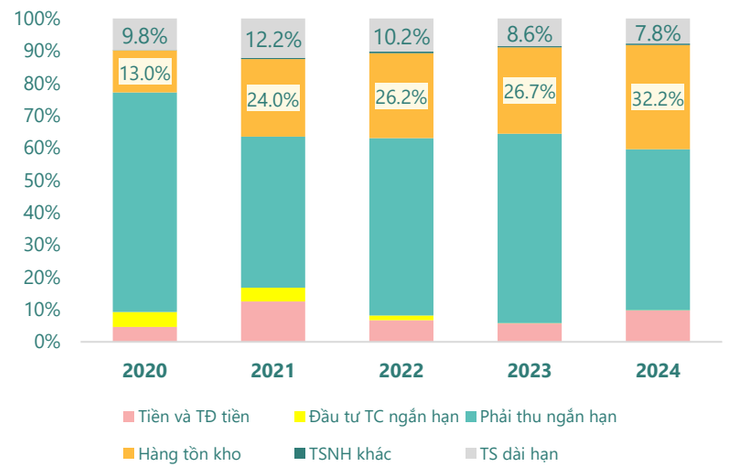
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



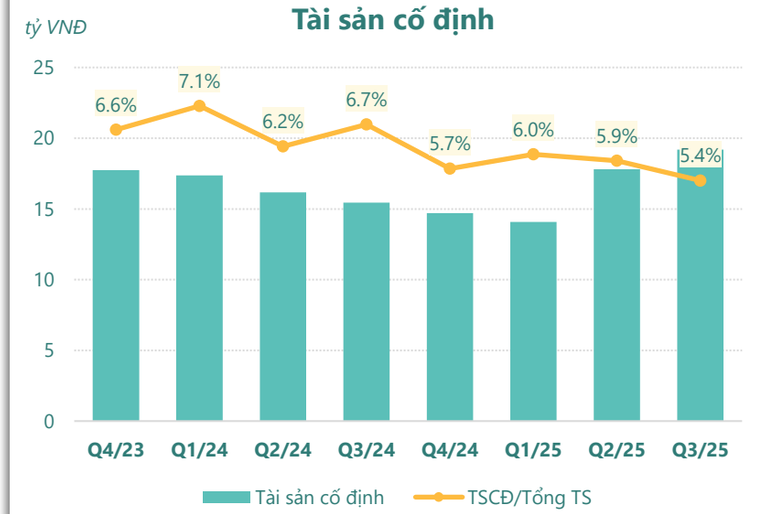
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



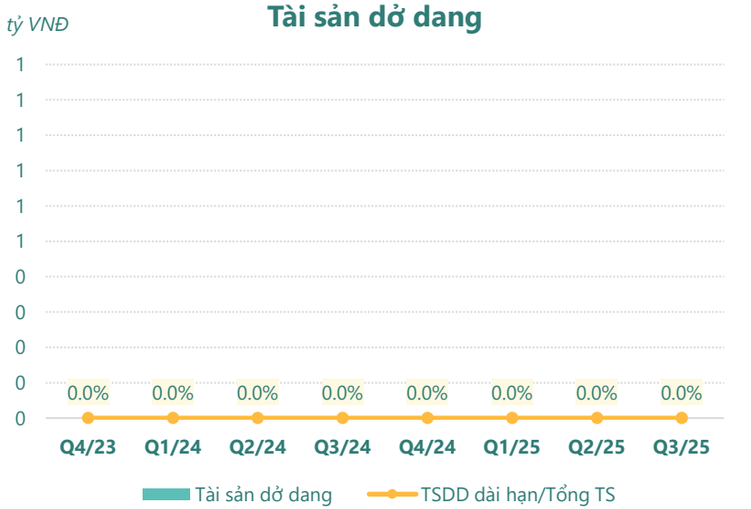
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



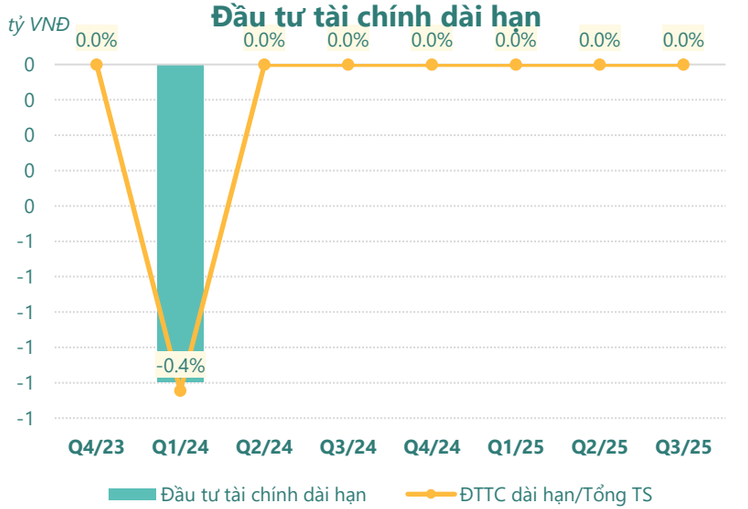
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



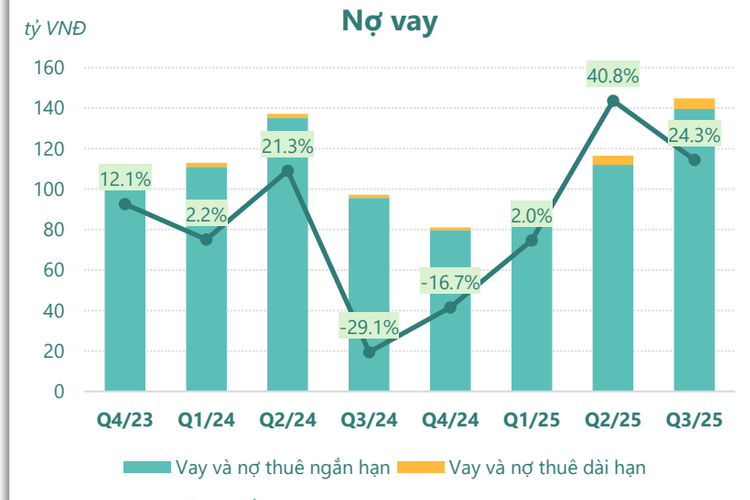
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

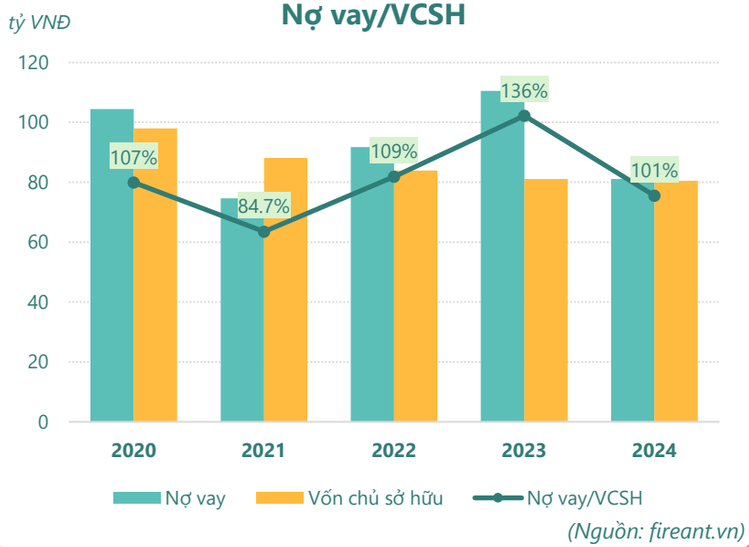
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



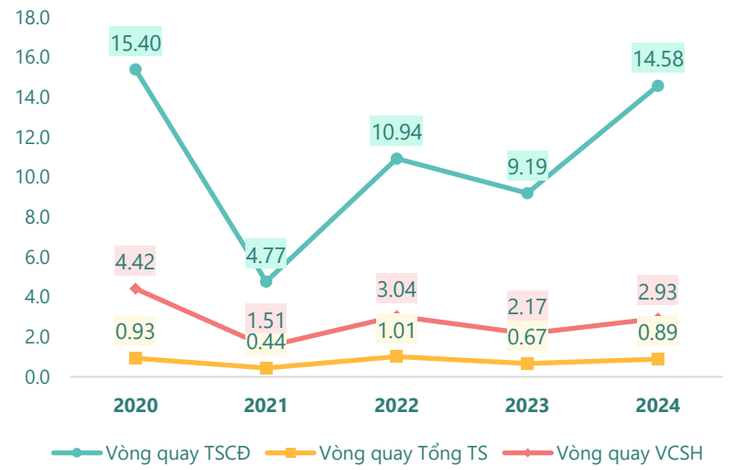
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



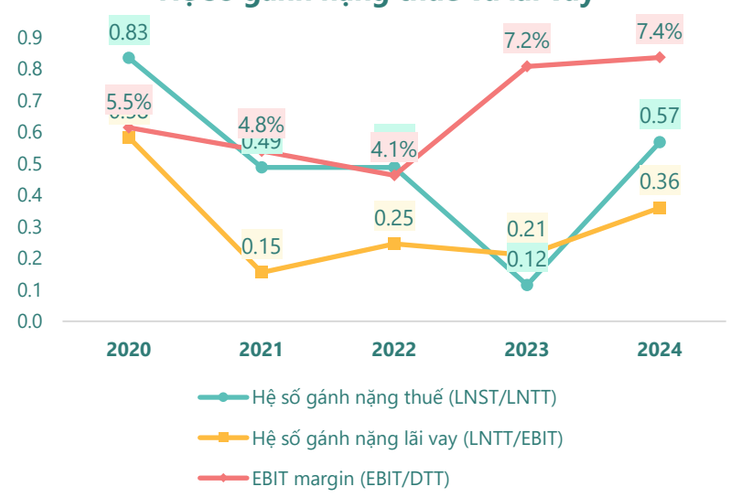
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



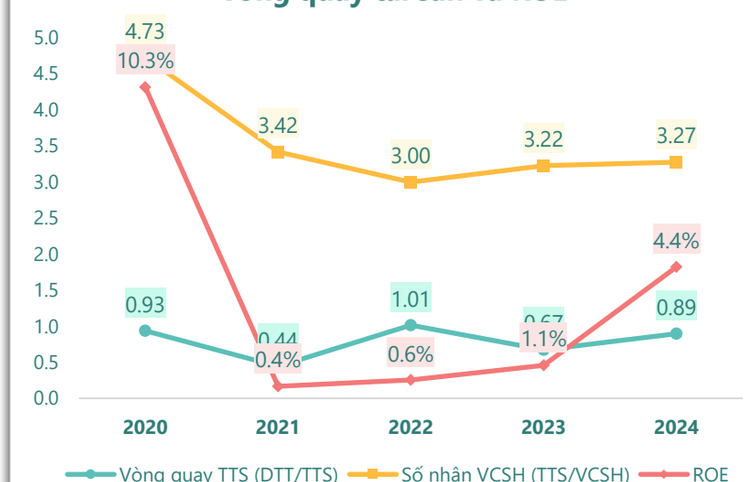
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



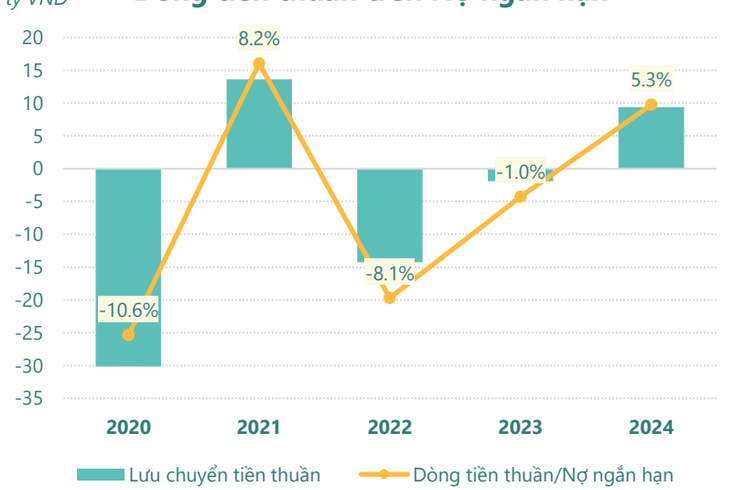
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**49.2**	**67.3**	**-26.8%**	**161**	**150**	**7.9%**
Giá vốn hàng bán	46.5	58.5	-20.5%	145	126	15.5%
Lợi nhuận gộp	2.75	8.71	-68.4%	15.8	23.6	-32.8%
Doanh thu HĐTC	0.15	0.09	71.7%	0.20	0.24	-17.3%
Chi phí TC	2.68	2.79	-4.1%	8.19	10.6	-22.5%
Chi phí lãi vay	2.10	2.79	-24.6%	6.56	9.14	-28.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	-1.97	3.46	-157%	5.33	11.1	-51.8%
Chi phí QLDN	**5.10**	**4.86**	**4.8%**	**17.5**	**16.6**	**5.5%**
LN thuần từ HĐKD	-2.89	-2.33	-24.2%	-15.0	-14.4	-3.9%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**0.85**	**-106%**	**1.42**	**-0.47**	**400%**
LN trước thuế	-2.95	-1.47	-101%	-13.6	-14.9	8.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.97**	**-1.47**	**-102%**	**-14.0**	**-15.1**	**7.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.91**	**-1.47**	**-97.7%**	**-12.5**	**-14.4**	**12.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.5	46.0	15.0	-13.0	-21.7	5.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.29	-3.11	5.66	-4.53	5.12	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.0	-39.9	-11.2	5.60	21.8	28.2
Tiền đầu kỳ	14.2	12.4	15.4	24.9	12.9	18.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.79**	**2.97**	**9.46**	**-12.0**	**5.25**	**33.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	12.4	15.4	24.9	12.9	18.2	51.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**352**	**258**	**36.6%**
Tài sản ngắn hạn	327	238	37.2%
Tiền và tương đương tiền	51.7	24.9	108%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.62	0.31	100%
Phải thu ngắn hạn	99.7	129	-22.5%
Hàng tồn kho	167	83.0	101%
Tài sản ngắn hạn khác	7.35	1.23	500%
Tài sản dài hạn	**25.9**	**20.0**	**29.3%**
Phải thu dài hạn	1.27	0.87	45.2%
Tài sản cố định	19.2	14.7	30.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.48**	**4.46**	**22.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	290	178	63.1%
Nợ ngắn hạn	**284**	**176**	**61.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	140	79.7	75.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	123	79.9	53.6%
Nợ dài hạn	5.58	1.94	188%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.22	1.35	286%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**62.9**	**80.5**	**-21.8%**
Vốn chủ sở hữu	**62.9**	**80.5**	**-21.8%**
Vốn điều lệ	45.3	45.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)